

Bản án số: 72/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 8 - 2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Trần Thanh Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Huỳnh Sinh
- Ông Trần Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Cao Nhật Hạ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Y – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2023/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Thúy V, sinh năm: 1998; (Có mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Ông Mai Anh T, sinh năm: 1987; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố E, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn Khởi kiện, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Đỗ Thị Thúy V trình bày:

Bà và ông Mai Anh T tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23, ngày 28/4/2021 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận. Sau khi kết hôn, bà và ông T chung sống với nhau tại thôn T, xã T, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận. Quá trình chung sống, ban đầu vợ chồng vẫn hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường

xuyên cãi vả. Ngày 20/6/2022, bà và ông T sống ly thân nhau, ông T về sống cùng gia đình tại Khu phố E, phường Đ, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận. Từ khi sống ly thân đến nay, bà và ông T không gặp nhau cũng không quan tâm đến nhau, mạnh ai nấy sống. Nay tình cảm không còn, không thể quay trở về đoàn tụ nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn.

Bà và ông Mai Anh T có một con chung tên Mai Tuấn A, sinh ngày 21/7/2021. Cháu A đang sống cùng bà. Nếu ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, bà đang làm thu ngân, thu nhập khoảng 8.500.000 đồng/tháng, đủ để lo cho con. Về tài sản, nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- T, tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án

Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho bà Đỗ Thị Thúy V được ly hôn với ông Mai Anh T. Về con chung: Giao con chung là Mai Tuấn A, sinh ngày 21/7/2021 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, nợ chung: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Đỗ Thị Thúy V yêu cầu ly hôn với ông Mai Anh T. Ông T cư trú tại Khu phố E, phường Đ, thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang- T, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông T. Ông T vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về Quan hệ hôn nhân:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Thúy V và ông Mai Anh T là hoàn toàn tự nguyện, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy Chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Quá trình chung sống, bà V cho rằng vợ chồng không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã, từ ngày 20/6/2022 bà và ông T tự sống ly thân nhau. Nay tình cảm không còn, không thể quay trở về chung sống nên bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

[2.3] Theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”. Tuy nhiên, quá trình chung sống, bà V, ông T lại thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, vợ chồng không hòa hợp, hiện bà V, ông T không còn sống chung với nhau. Tình trạng hôn nhân có mâu thuẫn giữa bà V, ông T đã được Chính quyền địa phương xác nhận. Mặt khác, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông T không tham gia phiên tòa cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Ngày 24/6/2022, bà V nộp đơn xin ly hôn với ông T, ngày 30/8/2022 rút lại yêu cầu ly hôn. Nay bà V tiếp tục yêu cầu ly hôn với ông T, chứng tỏ từ khi rút lại yêu cầu ly hôn, bà V, ông T vẫn không thể giải quyết được mâu thuẫn vợ chồng.

[2.4] Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của bà V, ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho bà V ly hôn với ông T.

[3] Về nuôi con chung:

[3.1] Bà V và ông T có một con chung là Mai Tuấn A, sinh ngày 21/7/2021. Cháu A hiện đang sống cùng bà V. Xét thấy: Từ khi bà V, ông T sống ly thân nhau, cháu A đều sống chung với bà V và cháu A còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V, giao cho bà V trực tiếp nuôi con chung.

[3.2] Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do không ai yêu cầu.

[4] Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- T, tỉnh Ninh Thuận là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Q, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thúy V đối với bị đơn ông Mai Anh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thúy V được ly hôn với ông Mai Anh T.

2. Về con chung:

Giao cho bà Đỗ Thị Thúy V có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Mai Tuấn A, sinh ngày 21/7/2021.

Ông Mai Anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Đỗ Thị Thúy V phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0005141 ngày 24-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang- T, tỉnh Ninh Thuận. Bà Đỗ Thị Thúy V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 11-8-2023); vắng mặt bị đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND Tp. PR-TC;
- Chi cục THADS Tp. PR-TC;
- UBND Thành Hải, RP-TC;
(GCN số 23, ngày 28/4/2021)
- Lưu (HS, AV)/.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Trần Thanh Thu

